

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 39/2008/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ
sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày
16 tháng 12 năm 2002;*

*Căn cứ Luật đấu thầu ngày 25 tháng
11 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP
ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Chính
phủ về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt
động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục
thể thao;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài
chính;*

định này Quy chế đấu thầu, đặt hàng,
giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự
nghiệp công sử dụng ngân sách nhà
nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi
hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công
báo.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan
ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc
Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân
các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung
ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết
định này./.

QUYẾT ĐỊNH:**THỦ TƯỚNG****Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết

Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ

đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

(ban hành kèm theo Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg
ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về đấu thầu, đặt hàng giao nhiệm vụ cung cấp một số dịch vụ sự nghiệp công do ngân sách nhà nước, hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan được giao dự toán kinh phí để thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công, các cơ quan được giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền tổ chức đấu thầu (hoặc đặt hàng) cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Các tổ chức trong nước và nước ngoài có tư cách pháp nhân, cá nhân hành nghề độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có đủ điều kiện và chức năng cung ứng các dịch vụ sự nghiệp phù hợp với yêu cầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của Nhà nước (sau đây gọi tắt là nhà cung cấp).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “Dịch vụ sự nghiệp công” trong Quy chế này được hiểu là các hoạt động thuộc trách nhiệm của Nhà nước phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân và cộng đồng xã hội.

2. “Đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công” là việc cơ quan nhà nước chỉ định nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp cho nhân dân và cộng đồng xã hội, đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng, đơn giá, thời gian thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công.

3. “Đấu thầu dịch vụ sự nghiệp công” là quá trình đấu thầu để lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ công (tổ chức, cá nhân) có đủ năng lực, kinh nghiệm tốt nhất để thực hiện cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công đáp ứng được các yêu cầu của cơ quan mời thầu, trên cơ sở cạnh tranh công bằng, minh bạch và hiệu quả.

Điều 4. Danh mục các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện đấu thầu hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ

1. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công

sử dụng ngân sách nhà nước phải tổ chức đấu thầu, hoặc thực hiện đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Căn cứ tình hình thực tế, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc sửa đổi, bổ sung Danh mục dịch vụ sự nghiệp công bắt buộc phải tổ chức đấu thầu, hoặc đặt hàng đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cho phù hợp.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi tắt là Thủ trưởng cơ quan ở trung ương); Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), căn cứ vào các nội dung quy định về đấu thầu, đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Quy chế này và tình hình cụ thể để quyết định việc bổ sung các loại hình dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước phải thực hiện đấu thầu (hoặc đặt hàng), ngoài danh mục dịch vụ sự nghiệp công thực hiện đấu thầu (hoặc đặt hàng) được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này, đồng thời báo cáo Bộ Tài chính để theo dõi, quản lý.

3. Đối với những dịch vụ sự nghiệp

công sử dụng ngân sách nhà nước được quy định trong Danh mục, thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương nếu chưa đủ điều kiện thực hiện đấu thầu (hoặc đặt hàng) thì Thủ trưởng cơ quan ở trung ương quyết định giao nhiệm vụ cho đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định hiện hành. Đối với những dịch vụ sự nghiệp công không đủ điều kiện đấu thầu (hoặc đặt hàng) thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao nhiệm vụ cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương II

ĐẤU THẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

Điều 5. Điều kiện xác định dịch vụ sự nghiệp công thực hiện đấu thầu

Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện đấu thầu khi có đủ các điều kiện sau:

1. Dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm kinh phí thực hiện.
2. Xác định được đối tượng sử dụng dịch vụ sự nghiệp công.
3. Được phân bổ dự toán kinh phí.

4. Xác định được tiêu chuẩn và chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

5. Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước có tổng trị giá từ 500 triệu đồng trở lên.

6. Được Thủ trưởng cơ quan ở trung ương quyết định thực hiện hình thức đấu thầu (đối với dịch vụ sự nghiệp công thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương); Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hình thức đấu thầu (đối với dịch vụ sự nghiệp công thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương).

Các dịch vụ sự nghiệp công không đủ các điều kiện để thực hiện đấu thầu sẽ được thực hiện đặt hàng theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Quy chế này.

Điều 6. Xây dựng kế hoạch và ban hành tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu dịch vụ sự nghiệp công

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch đấu thầu dịch vụ sự nghiệp công.

a) Là dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục phải đấu thầu;

b) Dự toán được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện dịch vụ sự nghiệp công;

c) Các tài liệu và văn bản pháp lý có liên quan.

2. Nội dung kế hoạch đấu thầu.

Tùy theo tính chất và trình tự thực hiện, có thể chia dịch vụ sự nghiệp công thành các gói thầu. Việc phân chia thành các gói thầu phải bảo đảm tính đồng bộ của dịch vụ. Nội dung của từng gói thầu trong kế hoạch đấu thầu bao gồm:

a) Tên gói thầu: tên gói thầu thể hiện tính chất, nội dung và phạm vi công việc của gói thầu, phù hợp với nội dung nêu trong dịch vụ;

b) Tiêu chuẩn và mục tiêu của gói thầu;

c) Giá gói thầu: giá gói thầu do cơ quan tổ chức đấu thầu xây dựng dựa trên các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí hiện hành do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành;

d) Hình thức lựa chọn nhà cung cấp; phương thức đấu thầu;

đ) Hình thức hợp đồng;

e) Nguồn vốn: đối với mỗi gói thầu phải nêu rõ nguồn vốn và phương thức thanh toán cho nhà cung cấp;

g) Thời gian lựa chọn nhà cung cấp: thời gian tổ chức thực hiện việc lựa chọn nhà cung cấp thực hiện gói thầu để bảo đảm tiến độ của gói thầu theo đúng quy định của Luật đấu thầu;

h) Thời gian thực hiện hợp đồng: thời gian thực hiện hợp đồng phải bảo đảm

việc thực hiện gói thầu phù hợp với tiến độ thực hiện dịch vụ sự nghiệp công.

3. Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu dịch vụ sự nghiệp công bao gồm:

a) Tiêu chuẩn đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

- Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính, kinh nghiệm của nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

- Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực quản lý và lực lượng lao động tham gia vào cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

- Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật;

- Thời gian cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

b) Tiêu chuẩn đối với dịch vụ sự nghiệp công.

- Tiêu chuẩn đánh giá về quy trình xác định công nghệ hình thành dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

- Tiêu chuẩn về giá (hoặc đơn giá) dịch vụ sự nghiệp công;

- Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng thực hiện thông qua kết quả, hoặc sản phẩm của dịch vụ sự nghiệp công;

- Quy trình, tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật đối với dịch vụ sự nghiệp công.

4. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong việc ban hành tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu dịch vụ sự nghiệp công:

a) Bộ trưởng quản lý ngành, lĩnh vực có dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước phải đấu thầu xây dựng ban hành tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu cho từng loại dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực quản lý làm căn cứ đánh giá hồ sơ dự thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

b) Thủ trưởng cơ quan trung ương có trách nhiệm:

- Ban hành tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, tiêu chuẩn lựa chọn nhà cung cấp đối với dịch vụ sự nghiệp công thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương;

- Ban hành hồ sơ mẫu đấu thầu dịch vụ sự nghiệp công trong từng lĩnh vực;

- Cụ thể hóa các tiêu chuẩn do các Bộ quản lý ngành ban hành để thực hiện đấu thầu dịch vụ sự nghiệp công thuộc nhiệm vụ chi của mình.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

Căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu dịch vụ sự nghiệp công do các Bộ ban hành tại điểm a khoản 4 nêu trên để cụ thể hóa tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, tiêu chuẩn lựa chọn nhà cung

cấp đối với dịch vụ sự nghiệp công thuộc phạm vi nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương cho phù hợp với điều kiện cụ thể.

Điều 7. Trình duyệt, phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Trình duyệt kế hoạch đấu thầu:

Cơ quan được phân công tổ chức đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm trình kế hoạch đấu thầu lên người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đấu thầu để xem xét phê duyệt (được quy định dưới đây); đồng thời gửi cho cơ quan, tổ chức, bộ phận thẩm định trong đấu thầu được quy định tại Điều 8 Quy chế này.

2. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đấu thầu:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ở trung ương chịu trách nhiệm phê duyệt kế hoạch đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đối với các dịch vụ sự nghiệp công thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm phê duyệt kế hoạch đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng đối với các dịch vụ sự nghiệp công thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

3. Thẩm quyền phê duyệt hồ sơ mời thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ở trung ương chịu trách nhiệm phê duyệt, hoặc ủy quyền cho thủ trưởng đơn vị cấp dưới trực thuộc phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng đối với các dịch vụ sự nghiệp công thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương trên cơ sở báo cáo của cơ quan thẩm định;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm phê duyệt hoặc phân cấp cho thủ trưởng đơn vị, cơ quan chuyên môn trực thuộc phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đối với các dịch vụ sự nghiệp công thuộc nhiệm vụ chi ngân sách của địa phương trên cơ sở báo cáo của cơ quan thẩm định.

Điều 8. Thẩm định trong đấu thầu

Thẩm định trong đấu thầu bao gồm thẩm định kế hoạch đấu thầu, thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

1. Cơ quan, tổ chức, bộ phận thẩm định:

a) Thủ trưởng cơ quan ở trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định trong

đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; hoặc quyết định cơ quan, tổ chức, bộ phận chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà cung cấp;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định trong đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc ngân sách địa phương; hoặc quyết định phân cấp về thẩm quyền cho Sở Tài chính, hoặc Sở chuyên ngành có liên quan chịu trách nhiệm chủ trì tổ chức thẩm định kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

2. Yêu cầu thẩm định:

a) Cơ quan, tổ chức, bộ phận được giao nhiệm vụ thẩm định kế hoạch đấu thầu tiến hành kiểm tra, đánh giá các nội dung theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Quyết định này lập báo cáo kết quả thẩm định trình người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đấu thầu;

b) Thời gian thẩm định trong đấu thầu tối đa là 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 9. Chi phí trong đấu thầu

Căn cứ vào các quy định của pháp luật về đấu thầu, Bộ Tài chính quy định và hướng dẫn cụ thể về mức giá bán bộ hồ

sơ mời thầu, chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu đối với từng loại dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 10. Hình thức lựa chọn nhà cung cấp

1. Đấu thầu rộng rãi: các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc danh mục bắt buộc đấu thầu phải tổ chức đấu thầu rộng rãi.

2. Đấu thầu hạn chế: áp dụng trong trường hợp dịch vụ sự nghiệp công có yêu cầu cao về kỹ thuật hoặc có tính đặc thù; dịch vụ sự nghiệp công có tính chất nghiên cứu, thử nghiệm mà chỉ có một số nhà cung cấp có khả năng đáp ứng yêu cầu của gói thầu.

3. Chỉ định thầu: áp dụng trong trường hợp tổng giá trị của gói thầu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước dưới 500 triệu đồng. Việc chỉ định thầu phải được người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đấu thầu được quy định tại Điều 7 Quy chế này quyết định.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định tổ chức đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

1. Thủ trưởng cơ quan ở trung ương chịu trách nhiệm quyết định tổ chức đấu

thầu, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; hoặc quyết định phân cấp về thẩm quyền cho thủ trưởng cơ quan chuyên môn trực thuộc tổ chức đấu thầu cung cấp dịch vụ đối với các dịch vụ sự nghiệp công thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm quyết định tổ chức đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; hoặc quyết định phân cấp về thẩm quyền cho thủ trưởng các cơ quan chuyên môn trực thuộc tổ chức đấu thầu cung cấp dịch vụ đối với các dịch vụ sự nghiệp công thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

Điều 12. Điều kiện tổ chức đấu thầu và tham gia dự thầu

1. Việc tổ chức đấu thầu để cung cấp dịch vụ sự nghiệp công chỉ được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

a) Có kế hoạch đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hồ sơ mời thầu đã được người có thẩm quyền phê duyệt.

Cơ quan tổ chức mời thầu phải cung cấp hồ sơ mời thầu cho các nhà cung cấp có nhu cầu tham gia đấu thầu. Trong hồ sơ mời thầu không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà cung cấp hoặc nhằm tạo lợi thế cho

một hoặc một số nhà cung cấp gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

Đối với dịch vụ sự nghiệp công khi thực hiện chỉ định thầu phải lập kế hoạch và được phê duyệt trong kế hoạch đấu thầu, đồng thời phải duyệt giá dự toán đối với dịch vụ sự nghiệp này;

c) Thông tin về đấu thầu đã được đăng tải theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

d) Dịch vụ sự nghiệp công được giao dự toán kinh phí thực hiện.

2. Các nhà cung cấp dịch vụ tham gia dự thầu phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có chức năng cung ứng các dịch vụ phù hợp với dịch vụ sự nghiệp công tham gia đấu thầu;

b) Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành, nghề phù hợp với dịch vụ sự nghiệp công tham gia đấu thầu;

c) Có tư cách pháp nhân (đối với nhà cung cấp là tổ chức, đơn vị trong nước và nước ngoài);

d) Không bị cơ quan có thẩm quyền kết luận về tình hình tài chính không lành mạnh, đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ đọng không có khả năng chi trả; đang trong quá trình giải thể;

đ) Nộp tiền bảo lãnh thầu theo yêu cầu của cơ quan tổ chức đấu thầu;

e) Đáp ứng yêu cầu nêu trong thông báo mời thầu hoặc thư mời thầu của bên mời thầu.

Điều 13. Tổ chức đấu thầu

1. Phát hành hồ sơ mời thầu: cơ quan tổ chức mời thầu bán hồ sơ mời thầu tới trước thời điểm đóng thầu cho các nhà cung cấp theo danh sách mời tham gia đấu thầu; giá bán hồ sơ mời thầu do Bộ Tài chính quy định. Thời hạn đăng thông báo mời thầu tối thiểu 10 ngày trước khi phát hành hồ sơ mời thầu.

2. Chuẩn bị hồ sơ dự thầu: nhà cung cấp chuẩn bị hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của cơ quan mời thầu, nộp hồ sơ dự thầu cùng với bảo đảm dự thầu. Trường hợp nhà cung cấp cần thay đổi tư cách (tên) tham gia đấu thầu so với khi mua hồ sơ mời thầu, đăng ký tham gia đấu thầu thì phải thông báo bằng văn bản tới cơ quan tổ chức mời thầu. Cơ quan tổ chức mời thầu chỉ xem xét khi nhận được văn bản thông báo này trước thời điểm đóng thầu.

Trường hợp tại thời điểm đóng thầu có dưới 3 (ba) nhà cung cấp tham gia đấu thầu, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức đấu thầu phải báo cáo người có thẩm quyền quyết định.

3. Tiếp nhận và quản lý hồ sơ dự thầu: cơ quan tổ chức mời thầu tiếp nhận và

quản lý các hồ sơ dự thầu đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ “mật”. Hồ sơ dự thầu được gửi đến cơ quan tổ chức mời thầu sau thời điểm đóng thầu đều được coi là không hợp lệ và được gửi trả lại cho nhà cung cấp theo nguyên trạng. Bất kỳ tài liệu nào được nhà cung cấp gửi đến sau thời điểm đóng thầu để sửa đổi, bổ sung hồ sơ dự thầu đã nộp đều được coi là không hợp lệ (trừ văn bản làm rõ hồ sơ dự thầu).

4. Sửa đổi hoặc rút hồ sơ dự thầu: khi muốn sửa đổi hoặc rút hồ sơ dự thầu đã nộp, nhà cung cấp phải có văn bản đề nghị và cơ quan tổ chức mời thầu chỉ chấp thuận nếu nhận được văn bản đề nghị của nhà cung cấp trước thời điểm đóng thầu; văn bản đề nghị rút hồ sơ dự thầu phải được gửi riêng biệt với hồ sơ dự thầu.

5. Mở thầu:

a) Việc mở thầu phải được tiến hành công khai ngay sau thời điểm đóng thầu theo ngày, giờ, địa điểm quy định trong hồ sơ mời thầu trước sự chứng kiến của những người có mặt và không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà cung cấp được mời. Cơ quan tổ chức đấu thầu có thể mời đại diện các cơ quan liên quan đến tham dự lễ mở thầu;

b) Cơ quan tổ chức mời thầu tiến hành mở hồ sơ của từng nhà cung cấp theo thứ

tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

- Kiểm tra niêm phong;
- Mở hồ sơ, đọc và ghi vào biên bản các thông tin chủ yếu sau đây:
 - + Tên nhà thầu;
 - + Số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ;
 - + Thời gian có hiệu lực của hồ sơ;
 - + Văn bản đề nghị sửa đổi hồ sơ (nếu có);
 - + Các thông tin khác có liên quan.

Biên bản mở thầu cần được đại diện các nhà cung cấp, đại diện cơ quan tổ chức đấu thầu, đại diện các cơ quan liên quan tham dự ký xác nhận.

6. Những vấn đề về thông tin trong đấu thầu, xử lý đấu thầu và các quy định khác không nêu trong Quy chế này thì thực hiện theo Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn Luật đấu thầu.

Điều 14. Đánh giá hồ sơ dự thầu

1. Cơ quan tổ chức đấu thầu chịu trách nhiệm đánh giá hồ sơ dự thầu đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. Việc đánh giá hồ sơ dự thầu phải căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và các yêu cầu khác trong hồ sơ mời thầu để bảo đảm lựa chọn được nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm, có giải

pháp khả thi để thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

2. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu.

Sử dụng phương pháp thang điểm để đánh giá, xếp hạng hồ sơ dự thầu.

3. Cách đánh giá:

a) Đánh giá sơ bộ trên cơ sở kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm nêu trong hồ sơ mời thầu;

b) Đánh giá về mặt công nghệ thực hiện để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công;

c) Số lượng, chất lượng, thời gian cung ứng dịch vụ sự nghiệp công;

d) Đánh giá về mặt tài chính: căn cứ theo tiêu chuẩn đánh giá về mặt tài chính nêu trong hồ sơ mời thầu.

Điều 15. Giá gói thầu, giá dự thầu, giá trúng thầu, giá hợp đồng

1. Giá gói thầu là giá trị gói thầu được xác định trong kế hoạch đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trên cơ sở dự toán đã được người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giá của cơ quan có chức năng thẩm định.

Giá gói thầu do cơ quan tổ chức đấu

thầu xây dựng dựa trên các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí hiện hành do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Giá dự thầu là giá do nhà thầu nêu trong hồ sơ dự thầu sau khi đã trừ phần giảm giá (nếu có), bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu kể cả các loại thuế, phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính theo luật định mà nhà thầu phải nộp khi thực hiện gói thầu.

3. Giá trúng thầu là giá được người có thẩm quyền hoặc người có thẩm quyền phê duyệt theo kết quả đấu thầu để làm căn cứ cho bên mời thầu thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng với nhà thầu trúng thầu. Giá trúng thầu không được vượt giá gói thầu trong kế hoạch đấu thầu được duyệt.

4. Giá hợp đồng là giá được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu thỏa thuận sau khi thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và không được vượt giá trúng thầu.

Giá hợp đồng cùng với các điều kiện cụ thể về thanh toán là cơ sở để thanh toán và quyết toán chi đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

Đối với các dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực đào tạo, dạy nghề, y tế và một số dịch vụ sự nghiệp công khác có quy định về thu phí, học phí, thì một phần

thu phí, học phí sẽ được tính vào giá gói thầu, giá dự thầu, giá trúng thầu, giá hợp đồng. Nhà cung cấp dịch vụ được phép thu phần học phí, viện phí, lệ phí này từ đối tượng sử dụng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Hợp đồng giao nhận cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, điều chỉnh hợp đồng

1. Sau khi kết quả đấu thầu được người có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan tổ chức đấu thầu và nhà cung cấp dịch vụ tiến hành ký hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Nội dung hợp đồng phù hợp với các nội dung đã quy định tại hồ sơ mời thầu và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Ngoài ra, các bên có thể thỏa thuận bổ sung một số nội dung khác trong hợp đồng nhưng không trái với các quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh tình huống, khó khăn cho việc thực hiện hợp đồng thì bên mời thầu, nhà cung cấp phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp dịch vụ được lựa chọn

www.LawVietPhapLuac.com
 Tel: +84-8-3845 6884 *
 014.2.64

trúng thầu cung cấp dịch vụ có quyền và nghĩa vụ:

1. Thực hiện đúng và đầy đủ hợp đồng giao nhận và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đã ký kết; có các quyền và nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng và pháp luật có liên quan.

2. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về dịch vụ do mình cung cấp.

3. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương III

ĐẶT HÀNG THỰC HIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

Điều 18. Điều kiện đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

1. Đối với những dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nếu không đủ điều kiện để đấu thầu (nêu tại Điều 5 Quy chế này) hoặc chỉ có một nhà cung cấp duy nhất không thể thực hiện đấu thầu; các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được bố trí kinh phí từ ngân

sách nhà nước được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định đặt hàng.

2. Nhà cung cấp nhận đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước phải có đủ năng lực về vốn, trình độ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, trình độ quản lý và đội ngũ người lao động đáp ứng được các yêu cầu của hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

Điều 19. Thẩm quyền quyết định đặt hàng, cơ quan thực hiện đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

1. Thủ trưởng cơ quan ở trung ương quyết định về đặt hàng đối với dịch vụ sự nghiệp công không đủ điều kiện để đấu thầu, các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được bố trí từ ngân sách trung ương; ủy quyền cho Thủ trưởng cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện đặt hàng cung cấp dịch vụ đối với các dịch vụ sự nghiệp công thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định về đặt hàng đối với dịch vụ sự nghiệp công không đủ điều kiện đấu thầu, các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được bố trí từ ngân sách địa phương; ủy quyền cho Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện đặt hàng cung cấp dịch vụ đối với các dịch

vụ sự nghiệp công thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

Điều 20. Đặt hàng đối với dịch vụ sự nghiệp công

1. Căn cứ đặt hàng:

a) Quyết định của người có thẩm quyền quyết định đặt hàng đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Đơn giá, hoặc giá của dịch vụ công cung cấp theo phương thức đặt hàng được xác định trên cơ sở áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí hiện hành do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Đối với dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục nhà nước phải thẩm định giá thì đơn giá đặt hàng là thông báo thẩm định giá của cơ quan quản lý giá theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Số lượng, khối lượng, chất lượng dịch vụ sự nghiệp công cần thực hiện theo chỉ tiêu được người có thẩm quyền phê duyệt;

d) Thời gian triển khai và thời gian hoàn hành;

đ) Dự toán được người có thẩm quyền giao.

2. Nội dung hợp đồng đặt hàng sản xuất và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công:

Căn cứ đặc thù của các dịch vụ sự nghiệp công được đặt hàng, cơ quan đặt hàng ký kết hợp đồng với nhà cung cấp theo các chỉ tiêu chủ yếu sau:

a) Tên dịch vụ sự nghiệp công; đề tài, dự án nghiên cứu khoa học;

b) Số lượng, khối lượng;

c) Chất lượng;

d) Giá, đơn giá;

đ) Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học;

e) Giá trị hợp đồng;

g) Thời gian hoàn thành;

h) Phương thức nghiệm thu, thanh toán;

i) Trách nhiệm và nghĩa vụ giữa cơ quan đặt hàng và nhà cung cấp;

k) Trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng.

Ngoài ra, các bên có thể thỏa thuận bổ sung một số nội dung khác trong hợp đồng nhưng không trái với quy định của pháp luật.

Điều 21. Điều chỉnh giá trị hợp đồng đặt hàng

Giá trị hợp đồng đặt hàng chỉ được

điều chỉnh khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép trong các trường hợp:

1. Nhà nước điều chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật; định mức chi từ dự toán ngân sách nhà nước đối với dịch vụ sự nghiệp công, hoặc đề tài, dự án khoa học công nghệ.

2. Nhà nước thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương, giá nguyên nhiên vật liệu.

Chương IV

QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC KHI THỰC HIỆN ĐẤU THẦU, ĐẶT HÀNG CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

Điều 22. Lập và chấp hành ngân sách nhà nước khi thực hiện đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

1. Lập dự toán: căn cứ vào nhiệm vụ, nội dung dịch vụ sự nghiệp công cần phải đấu thầu, đặt hàng; căn cứ vào phân cấp của Bộ và địa phương; các đơn vị dự toán các cấp lập dự toán ngân sách nhà nước đối với dịch vụ sự nghiệp công thực hiện đấu thầu, đặt hàng trong năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Phân bổ và giao dự toán ngân sách về đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp

công: trên cơ sở dự toán được người có thẩm quyền quyết định, dự toán giao cho các đơn vị trực thuộc phải phân định rõ dự toán để thực hiện nhiệm vụ đấu thầu, đặt hàng đối với các dịch vụ sự nghiệp công.

3. Căn cứ dự toán được người có thẩm quyền giao, các đơn vị được phân cấp thực hiện tổ chức đấu thầu (đặt hàng) cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.

4. Nhà cung cấp khi trúng thầu hoặc được nhận đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phải theo dõi, hạch toán riêng phần kinh phí được nhận do đấu thầu hoặc đặt hàng đem lại, và phải thực hiện các nghĩa vụ về tài chính (nếu có).

5. Đối với những dịch vụ sự nghiệp công được phép thu phí từ đối tượng sử dụng dịch vụ sự nghiệp công, nhà cung cấp dịch vụ phải theo dõi, phản ánh đầy đủ các khoản được phép thu và quyết toán cùng với khoản chi do ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định hiện hành.

6. Chênh lệch thu lớn hơn chi từ hợp đồng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công được thực hiện như sau:

a) Đối với nhà cung cấp là đơn vị sự nghiệp công lập được quyền tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ.

b) Đối với nhà cung cấp là cá nhân, đơn vị ngoài công lập tự quyết định sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ về tài chính đối với nhà nước.

Điều 23. Thanh toán hợp đồng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

1. Căn cứ vào kết quả cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và hợp đồng được ký, cơ quan đơn vị mời thầu, đặt hàng thực hiện nghiệm thu sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công và thực hiện thanh toán theo quy định hiện hành. Cơ quan nào thực hiện đấu thầu, đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thì cơ quan đó chịu trách nhiệm thanh toán, quyết toán đối với dịch vụ sự nghiệp công đó bằng nguồn ngân sách được giao.

2. Trình tự và thủ tục thanh toán, quyết toán dịch vụ sự nghiệp công do nhà nước đấu thầu, đặt hàng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 24. Về giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

1. Đối với những dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước quy

định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này chưa đủ điều kiện để thực hiện đấu thầu (hoặc đặt hàng) thì Thủ trưởng cơ quan ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao nhiệm vụ cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Trình tự phân bổ dự toán ngân sách và thủ tục thanh toán, quyết toán dịch vụ sự nghiệp công do nhà nước giao nhiệm vụ, thực hiện theo Quy định tại Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 25. Tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện

1. Đối với cơ quan quản lý nhà nước:

a) Thủ trưởng cơ quan ở trung ương chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, theo dõi và giám sát việc thực hiện đấu thầu hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đối với các dịch vụ sự nghiệp công thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo dõi và giám sát việc thực hiện đấu thầu hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, đối với các dịch vụ sự nghiệp công thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

2. Đối với cơ quan tài chính: cơ quan tài chính các cấp thực hiện quản lý nhà nước về tài chính trong hoạt động đấu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. Kho bạc Nhà nước các cấp thực hiện kiểm soát chi và thanh toán kinh phí theo hợp đồng đấu thầu hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; định kỳ hàng tháng, quý và năm gửi báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện cho cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 26. Xử lý vi phạm, tranh chấp

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt theo một hoặc các hình thức sau đây: cảnh cáo, phạt tiền, cấm tham gia hoạt động đấu thầu. Đối với cán bộ, công chức có hành vi vi phạm pháp luật đấu thầu thì bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

Thủ trưởng cơ quan ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được ban hành quyết định xử phạt vi phạm về đấu thầu. Quyết định xử phạt phải được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử phạt và các cơ quan, tổ chức liên quan. Quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành trên phạm vi cả nước và trong tất cả các ngành.

2. Nguyên tắc, thủ tục xử lý vi phạm, thủ tục thi hành quyết định xử phạt, hình thức xử phạt, mức phạt được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định khác liên quan.

3. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa cơ quan tổ chức đấu thầu với nhà cung cấp, nếu không tự thỏa thuận được sẽ được giải quyết tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm pháp luật về đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào Quy chế này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan khác ở trung ương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành quy định cụ thể cho Bộ, ngành và địa phương mình.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện Quy chế này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN ĐẤU THẦU, ĐẶT HÀNG
(ban hành kèm theo Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg
ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Dạy nghề phục vụ các ngành kinh tế theo chỉ tiêu của Nhà nước.
2. Đào tạo giáo viên các trường đại học, cao đẳng công lập chất lượng cao.
3. Đào tạo dự bị đại học đối với học sinh dân tộc nội trú.
4. Đào tạo cử nhân, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp.
5. Biên soạn giáo trình.
6. Đào tạo ngoại ngữ cho học sinh trước khi đi du học theo chương trình, kế hoạch của Nhà nước.
7. Đào tạo lưu học sinh tại Việt Nam.
8. Đào tạo chuyên gia theo yêu cầu của các ngành, lĩnh vực.
9. Sáng tác, dựng vở và biểu diễn các chương trình nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ của Nhà nước.
10. Sáng tác, biên soạn sách báo, tạp chí và các ấn phẩm văn hóa phục vụ nhiệm vụ của Nhà nước.
11. Truyền thông đối ngoại theo chuyên đề.
12. Truyền thông phục vụ chính sách dân tộc của Nhà nước theo chuyên đề.
13. Xuất bản sách báo theo chuyên đề để phục vụ nhiệm vụ chính trị đột xuất của Nhà nước.
14. Cung cấp sách, báo, văn hóa phẩm cho miền núi và dân tộc theo chương trình của Nhà nước.
15. Cung cấp dịch vụ hậu cần cho các đội tuyển quốc gia trong thời gian tập huấn, thi đấu.
16. Huấn luyện thi đấu thành tích cao do Nhà nước đặt hàng (trong lĩnh vực thể thao và dạy nghề).

17. Tổ chức lễ khai mạc, bế mạc phục vụ các ngày lễ lớn của Nhà nước, tổ chức các đại hội thể thao, văn hóa... (bao gồm dịch vụ hậu cần, phục vụ...).
18. Chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bao gồm cả các dịch vụ khoa học và công nghệ).
19. Cung cấp sản phẩm dịch vụ công nghệ thông tin (không bao gồm trang thiết bị công nghệ thông tin).
20. Đo đạc đất đai để phục vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
21. Cung ứng các dịch vụ xét nghiệm, hóa chất mỹ phẩm, dược phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng vắc xin và các sinh phẩm y tế.
22. Cung ứng các hoạt động của công tác y tế dự phòng (như phun tẩm hóa chất, xử lý môi trường phòng chống dịch, tiêm phòng).
23. Đấu giá tài sản công./.